

Số: **925/2025/QĐST-DS**

H, ngày 27 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: **730/2025/TLST-DS** ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 ngày**, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Đồng Nguyên đơn:

- Công ty Cổ phần M (M).

Địa chỉ: Tầng 12 Tòa nhà V, số 9 D, phường C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bùi C.T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Q.T - Chức vụ: Phó Giám đốc. (Theo VBUQ số 01/2024/UQ-GĐ ngày 19/04/2024 của ông Bùi C.T - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của công ty Cổ phần M).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn C.C - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 1650/2025/UQ-M (VPB) ngày 05.5.2025 của ông Nguyễn Q.T - Phó giám đốc - Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần M).

- Ngân hàng TMCP V (V).

Địa chỉ: Số 89 L, phường Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ngô C.D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Cao D.T - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý tích hợp 1 (Theo VBUQ số 30/2025/UQN-CTQT của ông Ngô C.D - Chủ tịch hội đồng

Quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V (V)).

Đồng Bị đơn:

- Ông Đặng H.T.

Địa chỉ theo căn cước: 7 P19 Tập thể T, phường T, Thành phố H.

- Bà Đào D.T.

Địa chỉ theo căn cước: Số 4 ngách 305, ngõ Q, đường T, phường B, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M và Đồng bị đơn ông Đặng H.T và bà Đào D.T cùng thống nhất xác định như sau:

Tính đến ngày 14.11.2025, Đồng bị đơn ông Đặng H.T và bà Đào D.T còn nợ Đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M khoản tiền nợ là: 2.392.811.784 đồng (Trong đó, nợ gốc: 1.704.707.196 đồng, nợ lãi trong hạn: 33.848.304 đồng, nợ lãi quá hạn: 482.413.202 đồng, nợ phí phạt chậm trả: 54.772.575 đồng, nợ thẻ tín dụng: 117.070.507 đồng). Trong đó, Đồng bị đơn ông Đặng H.T và bà Đào D.T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần M số tiền tạm tính đến ngày 14.11.2025 là: 2.370.054,371 đồng (Trong đó, nợ gốc: 1.687.660.124 đồng, nợ lãi trong hạn: 33.509.821 đồng, nợ lãi quá hạn: 477.589.070 đồng, nợ phí phạt chậm trả: 54.224.849 đồng, nợ thẻ tín dụng: 117.070.507 đồng). Đồng bị đơn ông Đặng H.T và bà Đào D.T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 14.11.2025 là: 22.757.413 đồng (Trong đó, nợ gốc: 17.047.072 đồng, nợ lãi trong hạn: 338.483 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.824.132 đồng, nợ phí phạt chậm trả: 547.726 đồng).

2.2. Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận phương án thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi nêu trên, Đồng bị đơn ông Đặng H.T và bà Đào D.T có nghĩa vụ thanh toán cho Đồng nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nêu trên trong thời hạn 02 (Hai) tháng là dứt điểm kể từ ngày 14.11.2025.

2.3. Kể từ ngày 15.11.2025, các bên Đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M và Đồng bị đơn bà Đào D.T và ông Đặng H.T cùng thống nhất thỏa thuận Đồng bị đơn sẽ tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi cho Đồng nguyên đơn.

2.4. Trong trường hợp Đồng bị đơn bà Đào D.T và ông Đặng H.T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nêu trên như đã thỏa thuận thì Đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Đồng nguyên đơn, cụ thể là được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất 247, tờ bản đồ 44, tại địa chỉ tổ 7 khu 6 phường H, thành phố H (cũ), nay là phường H, tỉnh Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 261743, Do ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Q cấp cho hai vợ chồng ông Thái và bà Thanh để thu hồi nợ cho Đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

2.5. Các bên đương sự cùng thống nhất thỏa thuận trong trường hợp tài sản đảm bảo

bị xử lý mà không đủ để thu hồi nợ thì Đồng bị đơn bà Đào D.T và ông Đặng H.T tiếp tục có nghĩa vụ phải thanh toán cho Đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M tất cả các khoản nợ cho đến khi thi hành án xong.

2.6. Tất cả những người quản lý sử dụng tài sản đảm bảo phải có nghĩa vụ bàn giao lại tài sản trong trường hợp tài sản bị xử lý để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí DSST: Đồng bị đơn bà Đào D.T và ông Đặng H.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đồng (*đồng*).

Hoàn trả cho Đồng nguyên đơn Công ty Cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.799.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ngày và Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.151.000 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ngày tại Thi hành án dân sự Khu vực 4 - H.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 - H;
- Thi hành án dân sự Khu vực 4 - H;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng